

Bản án số: 285/2024/DS-PT  
Ngày: 26 - 6 -2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Chiến.

*Các Thẩm phán:*

Ông Hà Chí Quốc;

Bà Dương Thúy Hằng.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 148/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST, ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2024/QĐ-PT, ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1975; trú tại địa chỉ: Số A, đường B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà D:** Chị Kim Cẩm T, sinh năm 1988; trú tại địa chỉ: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 17-10-2023), có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Cao Tiên S, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; cùng trú tại địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà H: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; trú tại địa chỉ: Số G, đường P, Khu phố A, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 15-01-2024), có mặt.*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Cao Tiến Q, sinh năm 1987; trú tại địa chỉ: Số C, đường G, Khu phố E, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.*

*4. Người kháng cáo:*

- Ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H là bị đơn;
- Anh Cao Tiến Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 31-10-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ D và người đại diện theo ủy quyền là chị Kim Cẩm T trình bày:

Thông qua người giới thiệu, bà Lê Thị Mỹ D có cho ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 4.025.000.000 đồng vào ngày 23-5-2023, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng; thời hạn vay đến ngày 30-5-2023; lãi suất 2%/tháng. Khi vay tiền hai bên có viết “giấy nhận nợ vay tiền” ghi ngày 23-5-2023, có con của ông S, bà H là anh Cao Tiến Q cũng có mặt, anh Q là người ghi nội dung vào giấy vay tiền giùm cho ông S, bà H nên bà D buộc anh Q cùng ông S, bà H cùng ký tên vào giấy vay tiền.

Đến hạn trả nợ ngày 30-5-2023, ông S, bà H không trả lại tiền gốc và lãi cho bà D như đã hẹn. Bà D nhiều lần hỏi thúc thì ngày 28-7-2023, ông S, bà H có trả cho bà D được số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng rồi ngưng không trả nữa.

Bà D nhiều lần hỏi thúc nhưng ông S, bà H tìm cách tránh né, lánh mặt. Do đó, bà D khởi kiện, yêu cầu ông S, bà H có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ vay gốc còn lại là 3.075.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 28/7/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ngày 24-4-2023, bà Lê Thị Mỹ D có chuyển vào tài khoản của ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H số tiền 4.650.000.000 đồng nhằm mục đích để ông S, bà H tất t các khoản vay tại Ngân hàng Q1 (M) để ông S, bà H lấy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, làm thủ tục vay mới tại Ngân hàng Đ (B) và Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1). Ngày 27-4-2023, ông S, bà H đã trả cho bà D số tiền 3.000.000.000 đồng. Đến ngày 23-5-2023, gia đình ông S, bà H lo chuẩn bị đám cưới thì bà D đến yêu cầu viết lại giấy vay tiền, ghi nhận việc ông S, bà H có vay của bà D số tiền 4.025.000.000 đồng. Đến ngày 28-7-2023, ông S, bà H đã trả cho bà D số tiền 950.000.000 đồng. Do đó, ông S, bà H chỉ còn nợ lại bà D số tiền 700.000.000 đồng.

Khi vay tiền ngày 23-5-2023, bà D yêu cầu ông S, bà H giao cho bà D giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S, bà H và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng giữa anh Cao Tiến Q (con trai ông S, bà H) và bà D để làm tin cho hợp đồng vay tài sản ngày 23-5-2023.

Ông S, bà H yêu cầu bà D trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S, bà H (đất tại xã T, thành phố T); yêu cầu hủy hợp đồng công chứng giữa bà D và anh Q (phần đất thuộc xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh) và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Cao Tiến Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Tiến Q trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn, khi viết giấy nợ ngày 23-5-2023, gia đình lo chuẩn bị đám cưới; bà D đi cùng những người có xăm trổ, lại đang giữ các giấy tờ của ông S, bà H, anh Q nên anh Q viết giấy nợ theo yêu cầu bà D. Hiện tại, bà D còn giữ của ông S, bà H các giấy tờ: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 căn cước công dân mang tên Cao Tiến S, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H; 01 passport mang tên Cao Tiến Q; yêu cầu bà D trả lại.

Khi ông S, bà H vay tiền, bà D có yêu cầu ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm tin nên giữa bà D và anh Q ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất tại xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất này là giả tạo, không có việc mua bán mà chỉ ký để làm tin. Bà D đã khởi kiện tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này, nên anh không yêu cầu gì đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong vụ án này.

Tại Bản án sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ D số tiền nợ vay gốc là 3.075.000.000 đồng và lãi suất là 209.284.000 đồng đồng. Tổng cộng 3.284.284.000 đồng.

Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ D đồng ý trả cho ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Hoàng L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Hoàng Tiến S1 đứng tên; 01 căn cước công dân mang tên Cao Tiến S, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, anh Cao Tiến Q, ông Cao Tiến S và bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân

huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo hướng ông S, bà H đồng ý trả cho bà D số tiền 750.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T1 đại diện theo ủy quyền của ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Lê Thị Mỹ D không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà H và yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- **Về tố tụng:** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà H và anh Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về tố tụng:** Đơn kháng cáo của anh Cao Tiến Q, ông Cao Tiến S và bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, anh Cao Tiến Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh Q đã làm đơn xin hoãn phiên tòa vào các ngày 07 và 12 tháng 6 năm 2024 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Q theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:**

Vào ngày 23-5-2023, bà D có cho vợ chồng ông S, bà H vay số tiền 4.025.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay đáo hạn, thời hạn vay đến ngày 30-5-2023, có lập “Giấy nhận nợ vay tiền” ghi ngày 23-5-2023 có chữ ký bên cho vay là bà D, bên vay là ông S, bà H và anh Q.

Bà D cho rằng đến hạn trả nợ nhưng ông S, bà H không trả; bà đòi nợ nhiều lần đến ngày 28-7-2023 ông S, bà H trả số tiền là 950.000.000 đồng, số tiền vốn còn lại là 3.075.000.000 đồng đến nay chưa trả nên yêu cầu ông S, bà H trả và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 28-7-2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ông S, bà H và anh Q xác nhận chữ viết, chữ ký tại giấy nhận nợ vay tiền lập ngày 23-5-2023 là chữ viết, chữ ký của ông S, bà H và anh Q. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng có vay của bà D số tiền 4.650.000.000 đồng ngày 24-4-2023 để tất toán với Ngân hàng M, mục đích để lấy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ở Ngân hàng khác. Đến ngày 27-4-2023, ông S, bà H đã trả cho bà D số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngày 23-5-2023, bà D đến nhà yêu cầu viết lại giấy nợ, ghi nhận số tiền đã cho vay. Do gia đình đang lúc lo chuẩn bị cho đám cưới, bà D lại đi cùng với nhiều người gây áp lực nên anh Q viết lại giấy nợ theo yêu cầu của bà D. Đến ngày 28-7-2023, sau khi vay được tiền tại Ngân hàng V1, ông S, bà H đã trả cho bà D số tiền 950.000.000 đồng nên ông S, bà H chỉ còn nợ bà D số tiền 700.000.000 đồng.

[3] Căn cứ vào “Giấy nhận nợ vay tiền” lập ngày 23-5-2023 (BL số 18) và nội dung mặt sau giấy nhận nợ vay tiền thể hiện ông Cao Tiến S có trả cho bà D số tiền 950.000.000 đồng vào ngày 28-7-2023; số tiền vốn vợ chồng ông S, bà H còn nợ bà D là 3.075.000.000 đồng.

[4] Ông S, bà H và anh Q cho rằng bà D gây áp lực nên viết giấy nhận nợ vay tiền ngày 23-5-2023 là ghi theo ý kiến bà của D.

Căn cứ giấy nhận nợ vay tiền đã thể hiện rõ nội dung vay tiền và không có nội dung nào đề cập việc cản trừ nợ giữa các bên; ngày 28-7-2023, ông S đã chuyển trả cho bà D số tiền 950.000.000 đồng, chính ông S là người ghi nội dung đã trả số tiền 950.000.000 đồng vào mặt sau của giấy ghi nhận nợ vay tiền ngày 23-5-2023, nhưng cũng không đề cập nội dung gì liên quan đến các khoản tiền đã vay, đã trả trước đó. Ông S, bà H và anh Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà D gây áp lực trong việc lập giấy nhận nợ vay tiền ngày 23-5-2023. Do vậy, yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Bà D khởi kiện yêu cầu ông S, bà H phải trả số tiền nợ vay vốn gốc là 3.075.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi của bà D về việc tính lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày 28/7/2023 đến khi xét xử, thấy rằng: yêu cầu của bà D là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Cụ thể, lãi suất được tính như sau:

Lãi suất từ ngày 28/7/2023 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 04-4-2024 là 08 tháng 06 ngày  $\times 0,83\%/tháng \times 3.075.000.000$  đồng = 209.284.000 (Hai trăm lẻ chín triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H trả cho bà Lê Thị Mỹ D số tiền nợ vay gốc là 3.075.000.000 đồng và lãi suất là 209.284.000 đồng. Tổng cộng 3.284.284.000 (Ba tỷ hai trăm

tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Ông S, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[9] Về án phí phúc thẩm: Ông Cao Tiến S và bà Nguyễn Thị H, anh Cao Tiến Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao Tiến S và bà Nguyễn Thị H;
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Cao Tiến Q;
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*Tuyên xử:*

Căn cứ các Điều 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D đối với ông Cao Tiến S và bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ D số tiền nợ vay gốc là 3.075.000.000 (Ba tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và lãi suất là 209.284.000 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng 3.284.284.000 (Ba tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

*Kể từ ngày 05/4/2024, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**2.** Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ D đồng ý trả cho ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Hoàng L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Hoàng Tiến S1 đứng tên; 01 căn cước công dân mang tên Cao Tiến S, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

3.1 Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà D số tiền 46.750.000 (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005650 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H phải chịu 97.685.000 (Chín mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### 3.2. Án phí phúc thẩm:

- Ông Cao Tiến S, bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông S, bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0006104 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Cao Tiến Q phải chịu nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 000615 ngày 19 tháng 4 năm 2024 Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS h. Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Hữu Chiến**

